

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tư vấn tại Việt Nam**

Trung tâm Y tế Krông Bông có nhu cầu tiếp nhận báo giá tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT; thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu mua sắm Hóa chất, sinh phẩm năm 2025-2026 của Trung tâm Y tế Krông Bông với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Krông Bông.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Trần Thị Hạnh – Trưởng khoa Dược-TTB-VTYT. SĐT: 0984319657

Email: duocbvkrbong@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp: Khoa Dược-TTB-VTYT – TTYT huyện Krông Bông, Thôn 7, xã Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Hoặc nhận qua Email: duocbvkrbong@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 đến trước 17h ngày 10 tháng 10 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá**

#### **1. Dịch vụ tư vấn đấu thầu**

| STT | Danh mục dịch vụ                                  | Mô tả dịch vụ                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 1   | Gói thầu tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT     | - Cung cấp dịch vụ tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT cho Gói thầu Hóa chất, sinh phẩm năm 2025-2026 của Trung tâm Y tế Krông Bông.<br>- Dự kiến ngày hoàn thành: 70 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. | Gói         | 1        |
| 2   | Gói thầu tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định kết | - Cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho Hóa chất, sinh phẩm năm 2025-2026 của Trung tâm Y tế Krông                                                     | Gói         | 1        |

| STT | Danh mục dịch vụ      | Mô tả dịch vụ                                                        | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
|     | quả lựa chọn nhà thầu | Bông.<br>- Dự kiến ngày hoàn thành: 70 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng. |             |          |

### **Thành phần của hồ sơ, báo giá**

+ Báo giá Gói thầu tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT; Gói thầu tư vấn thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu theo mẫu báo giá tại (Phụ lục I đính kèm).

(Giá đã bao gồm các loại thuế (VAT), phí, lệ phí, và các chi phí khác có liên quan trong toàn bộ thời gian thực hiện công việc)

**Danh mục gồm 53 mặt hàng chia thành 10 lô phần**, chi tiết: (Phụ lục II đính kèm)

### **II. Thông tin gói thầu:**

1. Tên gói thầu: mua sắm Hóa chất, sinh phẩm năm 2025-2026 của Trung tâm Y tế Krông Bông.

2. Tên dự toán mua sắm: Hóa chất, sinh phẩm năm 2025-2026 của Trung tâm Y tế Krông Bông.

3. Giá dự kiến gói thầu: 2.082.908.750 VNĐ (Hai tỷ không trăm tám mươi hai triệu chín trăm linh tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng chẵn) (gồm 53 mặt hàng chia thành 10 lô phần).

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: một giai đoạn, một túi hồ sơ.

6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: dự kiến Quý IV năm 2025.

Trung tâm Y tế Krông Bông rất mong nhận được sự quan tâm và báo giá của các đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn đấu thầu.

Trân trọng./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, Khoa Dược

  
**Trần Thanh Hải**



Phụ lục I  
Mẫu báo giá  
/TMBG-TTYT ngày

/9/2025 của Trung tâm Y tế Krông Bông)

(Kèm theo thư mời báo giá số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TÊN CÔNG TY

BÁO GIÁ

Trên cơ sở thư mời báo giá số /TMBG-TTYT ngày /2025 của Trung tâm Y tế Krông Bông, chúng tôi..... [ghi tên, địa chỉ của công ty cung cấp dịch vụ tư vấn đấu thầu] báo giá cung cấp dịch vụ tư vấn đấu thầu đến Trung tâm Y tế Krông Bông như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ tư vấn đấu thầu

| STT   | Tên dịch vụ tư vấn | Nội dung công việc cụ thể | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (VAT) | Thành tiền (VND) | Ghi chú |
|-------|--------------------|---------------------------|-------------|----------|---------------|------------------|---------|
| 1     |                    |                           |             |          |               |                  |         |
| 2     |                    |                           |             |          |               |                  |         |
| ..... |                    |                           |             |          |               |                  |         |

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:..... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ....tháng...năm.... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....  
Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá

(Ký tên, đóng dấu)

## Phụ lục II

(Kèm theo thư mời báo giá số 46 /TMBG-TTYT ngày 30 /9/2025 của Trung tâm Y tế Krông Bông)

| STT | Tên hàng hóa                                                                 | Quy cách đóng gói         | Đơn vị tính | Số lượng năm |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------|--------------|
|     | <b>1. Máy HbA1C (01 mặt hàng)</b>                                            |                           |             |              |
| 1   | Test thử xét nghiệm HbA1c                                                    | 24 test/ hộp              | Test        | 300          |
|     | <b>2.MÁY ĐÔNG MÁU 2 KÊNH CLOT 2-B</b>                                        |                           |             |              |
| 2   | APTT                                                                         | Hộp 6x5ml                 | Hộp         | 10           |
| 3   | TP                                                                           | Hộp 10x5ml                | Hộp         | 10           |
| 4   | Hóa chất pha loãng mẫu xét nghiệm đông máu                                   | Hộp 10x10ml               | Hộp         | 3            |
|     | <b>3. MÁY ĐIỆN GIẢI 4TS:K,Na,CL,TCO2</b>                                     |                           |             |              |
| 5   | Dung dịch hiệu chuẩn 1                                                       | Lọ 480ml                  | Lọ          | 30           |
| 6   | Dung dịch hiệu chuẩn 2                                                       | Lọ 200ml                  | Lọ          | 6            |
| 7   | Dung dịch phản ứng                                                           | Lọ 480ml                  | Lọ          | 4            |
| 8   | Dung dịch làm sạch                                                           | Hộp 4x10ml                | Hộp         | 5            |
| 9   | Dung dịch hiệu chuẩn                                                         | Hộp 4x10ml                | Hộp         | 1            |
| 10  | Dung dịch kiểm soát chất lượng                                               | 01 lọ x 110ml             | Lọ          | 4            |
|     | <b>4. MÁY SINH HOÁ TỰ ĐỘNG PKLPPC400, MÁY SINH HOÁ BÁN TỰ ĐỘNG CHEM 5V3:</b> |                           |             |              |
| 11  | Hóa chất định lượng AST/GOT (SGOT)                                           | R1: 4x50ml;<br>R2: 1x50ml | Hộp         | 38           |
| 12  | Hóa chất định lượng ALT/GPT (SGPT)                                           | R1: 4x50ml;<br>R2: 1x50ml | Hộp         | 38           |



|    |                                                              |                                                    |     |    |
|----|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----|----|
| 13 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng<br>GAMMAGLUTAMYLTRANSFERAS E | R1: 4x20ml;<br>R2: 1x20ml                          | Hộp | 26 |
| 14 | Hóa chất định lượng Cholesterol                              | R1: 5x50ml<br>R2 STD: 1x3ml                        | Hộp | 28 |
| 15 | Hóa chất định lượng Triglycerides                            | R1: 2x50ml<br>R2 standard:<br>1x3ml                | Hộp | 58 |
| 16 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL DIRECT                   | R1: 2x30ml<br>R2: 2x10ml                           | Hộp | 81 |
| 17 | Thuốc thử định lượng UREA                                    | R1: 4x50ml<br>R2: 1x50ml<br>R3 standard:<br>1x5 ml | Hộp | 39 |
| 18 | Hóa chất định lượng Creatinine                               | R1: 2x50ml<br>R2: 2x50ml<br>R3: STD: 1x5ml         | Hộp | 51 |
| 19 | Thuốc thử định lượng nồng độ CALCIUM                         | R1: 2x50ml<br>R2 Standard:<br>1x5ml                | Hộp | 35 |
| 20 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng GLUCOSE                      | R1: 2x250 ml<br>R2 standard:<br>2x5 ml             | Hộp | 26 |
| 21 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng URIC ACID                    | R1: 4x50ml<br>R2 STD: 1x5ml                        | Hộp | 8  |
| 22 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALPHA<br>AMYLASE             | Hộp 5x20ml                                         | Hộp | 3  |
| 23 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng TOTAL<br>PROTEIN             | R1: 5x50 ml<br>R2 standard:<br>1x3 ml              | Hộp | 2  |
| 24 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng BILIRUBIN<br>TOTAL           | R1: 4x40ml<br>R2: 1x40ml                           | Hộp | 2  |
| 25 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng nồng độ<br>BILIRUBIN DIRECT  | R1: 4x40ml<br>R2: 1x40ml                           | Hộp | 2  |
| 26 | Thuốc thử kiểm tra thông số xét nghiệm sinh hóa              | Hộp 4x5ml                                          | Hộp | 4  |
| 27 | Chất hiệu chuẩn thông số xét nghiệm sinh hóa                 | Hộp 4x3ml                                          | Hộp | 4  |
| 28 | Hóa chất rửa máy sinh hóa                                    | Hộp 4x100ml                                        | Hộp | 28 |

|                                                       |                                                        |              |       |        |
|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------|-------|--------|
| 29                                                    | Chất hiệu chuẩn HDL/LDL CAL                            | Hộp 2x1 ml   | Hộp   | 1      |
| <b>5. MÁY HUYẾT HỌC TĐ 19 THÔNG SỐ MINDRAY BC-20S</b> |                                                        |              |       |        |
| 30                                                    | Dung dịch pha loãng                                    | Thùng 20 lít | Thùng | 24     |
| 31                                                    | Dung dịch phá hồng cầu                                 | Chai 500ml   | Chai  | 24     |
| 32                                                    | Dung dịch rửa                                          | Chai 50ml    | Chai  | 28     |
| <b>6. MÁY PHÂN TÍCH NƯỚC TIỂU CLINTEK Status</b>      |                                                        |              |       |        |
| 33                                                    | Test nước tiểu 10 thông số (dùng cho máy TC - 101)     | Hộp 100 test | Test  | 4.000  |
| <b>7. MÁY HUYẾT HỌC 22 TS SWELAB ALFA</b>             |                                                        |              |       |        |
| 34                                                    | Dung dịch pha loãng                                    | Thùng 20 lít | Thùng | 15     |
| 35                                                    | Dung dịch ly giải, phá vỡ hồng cầu                     | Thùng 5 lít  | Thùng | 15     |
| <b>8. MÁY PHÂN TÍCH NƯỚC TIỂU R-700</b>               |                                                        |              |       |        |
| 36                                                    | Hóa chất dùng cho máy phân tích nước tiểu(11 thông số) | Hộp 100 test | Hộp   | 15     |
| <b>9. TEST NHANH</b>                                  |                                                        |              |       |        |
| 37                                                    | Test nhanh H.Pylori Ab                                 | 25 test/ hộp | Test  | 50     |
| 38                                                    | Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết                    | 25 test/ hộp | Test  | 10.000 |
| 39                                                    | Test nhanh chẩn đoán HBeAg                             | 50 test/ hộp | Test  | 100    |
| 40                                                    | Test nhanh phát hiện HIV                               | 50 test/ hộp | Test  | 1.200  |
| 41                                                    | Test ma túy năm chất                                   | Hộp 25 test  | Test  | 500    |
| 42                                                    | Test nhanh chẩn đoán HbsAg                             | Hộp 50 test  | Test  | 2.000  |
| 43                                                    | Test nhanh chẩn đoán giang mai                         | Hộp 50 test  | Test  | 1.200  |
| 44                                                    | Test nhanh chẩn đoán HCV                               | Hộp 50 test  | Test  | 300    |
| <b>10. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM</b>                        |                                                        |              |       |        |
| 45                                                    | Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu A                        | Lọ 10ml      | Lọ    | 28     |
| 46                                                    | Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu B                        | Lọ 10ml      | Lọ    | 28     |



|    |                                                               |                     |      |    |
|----|---------------------------------------------------------------|---------------------|------|----|
| 47 | Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu AB                              | Lọ 10ml             | Lọ   | 28 |
| 48 | Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu D                               | Lọ 10ml             | Lọ   | 28 |
| 49 | Giemsa                                                        | Chai 500ml          | Chai | 2  |
| 50 | Bộ thuốc nhuộm Gram                                           | Bộ/ 4 chai<br>100ml | Bộ   | 10 |
| 51 | Bộ thuốc nhuộm Ziehl - Neelsen                                | Bộ/ 3 chai<br>100ml | Bộ   | 28 |
| 52 | Chất thử xét nghiệm Anti Streptolysin O slide latex kit (Aso) | Hộp 100 test        | Hộp  | 4  |
| 53 | Chất thử xét nghiệm Rheumatoid Factor Slide latex kit( RF)    | Hộp 100 test        | Hộp  | 4  |
|    | <b>Tổng cộng 53 khoản</b>                                     |                     |      |    |